TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-10-2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Ngọc Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê T**, sinh năm 1988 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Cao A,** sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2023 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê T trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Cao A do mai mối, được hai bên gia đình đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 18 tháng 4 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Cao Tiến Lành.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Cao D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2007. Khi ly hôn theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Tiên không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn anh Cao A:***

Anh Cao A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, hiện anh L có mặt tại địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh L cố tình không hợp tác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 02 tháng 8 năm 2023 cháu Cao D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2007 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; giấy khai sinh bản sao; căn cước công dân bản sao; bảng khai ý kiến của Lê T và Cao D; đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Cao A không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh L không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Cao A. Anh L có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh A cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh A biết rõ yêu cầu ly hôn của chị T, chị Tiên có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh A theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê T và anh Cao A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 18 tháng 4 năm 2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay chị T và anh A không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Lê T yêu cầu ly hôn với anh Cao A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Cao D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2007. Hiện nay con chung đang sống với anh A. Khi cha mẹ ly hôn cháu D có nguyện vọng sống với cha và chị Tiên cũng đồng ý giao con chung cho anh A nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do anh A không đến Tòa án nên việc cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung: Chị Lê T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê T được ly hôn với anh Cao A

[2] Con chung: Giao cháu Cao D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2007 cho anh Cao A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Lê T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009666 ngày 01 tháng 8 năm 20203 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyền